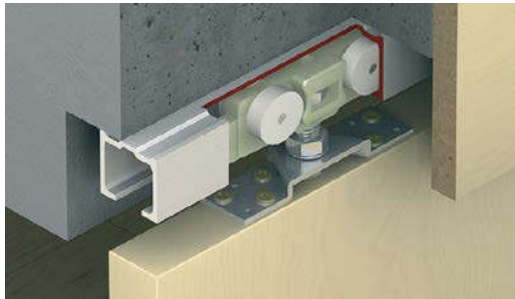


SLIDO CLASSIC 250-P



FEATURES

Đặc điểm kỹ thuật

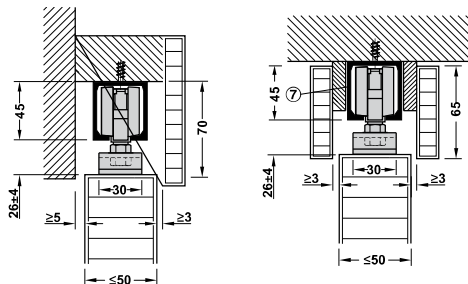
- > For 1-leaf and 2-leaf wooden sliding doors
- > Door weight ≤ 250 kg
- > Door height adjustable ± 5 mm
- > Suspension with screwed on support flange
- > Installation: wall mounting and ceiling installation

- > Cho cửa trượt gỗ 1 cánh và 2 cánh
- > Khối lượng cửa ≤ 250 kg
- > Chiều cao cửa điều chỉnh được ± 5 mm
- > Bát treo bắt nổi, dùng vít
- > Lắp đặt: gắn tường và gắn trần

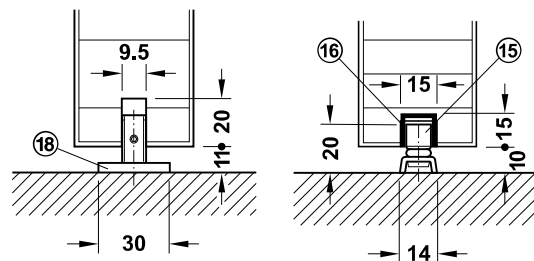
TECHNICAL DRAWING

Hình ảnh và thông số kỹ thuật

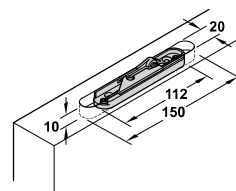
Ceiling installation Gắn trần



Guide and trolley hanger Dẫn hướng và bánh xe



Routing dimension



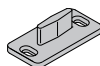
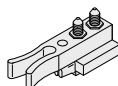
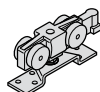
SLIDO CLASSIC 250-P

SET WITHOUT RUNNING TRACK FOR 1 DOOR / BỘ PHỤ KIỆN CHO 1 CỬA (KHÔNG BAO GỒM RAY TRƯỢT)

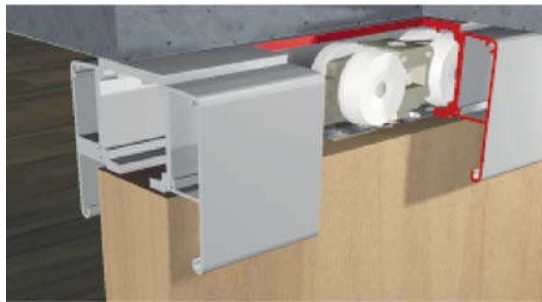
Version Phiên bản	Art.No. Mã số	Price (VND) Giá (Đ)
Without soft closing mechanism Không bao gồm giảm chấn	940.82.257	

SET COMPONENTS / PHỤ KIỆN THÀNH PHẦN

Version Phiên bản	Art.No. Mã số
Running gear 240 kg Bánh xe trượt 240 kg	942.34.012
Track buffer Chặn bánh xe	942.34.041
Floor guide Dẫn hướng sàn	940.42.034



SLIDO CLASSIC 250-K



FEATURES

Đặc điểm kỹ thuật

- > Area of application: For 1-leaf and 2-leaf wooden sliding door
- > Adjustable door height
- > Installation: Suspension with concealed support flange
- > Door weight: ≤ 250 kg

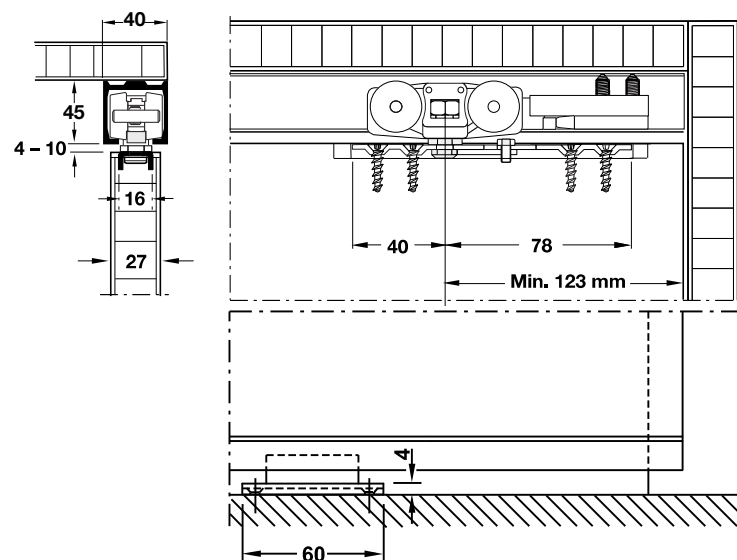
- > Ứng dụng: Cửa trượt gỗ 1 hoặc 2 cánh
- > Chiều cao cửa có thể điều chỉnh được
- > Lắp đặt: Bas treo gắn âm
- > Khối lượng cửa: ≤ 250 kg

TECHNICAL DRAWING

Hình ảnh và thông số kỹ thuật

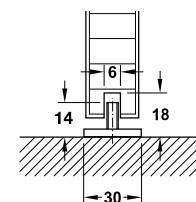
Section trolley hanger and guide

Vị trí bánh xe và dẫn hướng

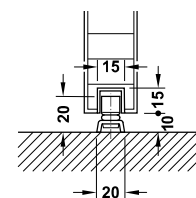


Guide and trolley hanger

Dẫn hướng và bánh xe



Floor guide without guide track in door leaf
Dẫn hướng sàn không gồm thanh dẫn hướng gắn cửa



Floor guide with U-shaped guide track in door leaf and floor guide roller
Dẫn hướng sàn kèm theo thanh dẫn hướng gắn cửa dạng chữ U và bánh xe

SLIDO CLASSIC 250-K

SET WITHOUT RUNNING TRACK FOR 1 DOOR / BỘ PHỤ KIỆN CHO 1 CỬA (KHÔNG BAO GỒM RAY TRƯỢT)

Version Phiên bản	Art.No. Mã số	Price (VND) Giá (Đ)
Without soft closing mechanism Không bao gồm giảm chấn	940.42.138	

SET COMPONENTS / PHỤ KIỆN THÀNH PHẦN

Version Phiên bản	Art.No. Mã số
Running gear Bánh xe trượt	942.36.012
Track buffer Chặn bánh xe	942.34.041
Floor guide Dẫn hướng sàn	940.42.034
Mounting key tool Cơ lê	940.43.032

SLIDO CLASSIC 250-O



FEATURES

Đặc điểm kĩ thuật

- > Area of application: For 1-leaf and 2-leaf wooden sliding door
- > Adjustable door height
- > Installation: Suspension fitting with flange clip
- > Door weight: ≤ 250 kg

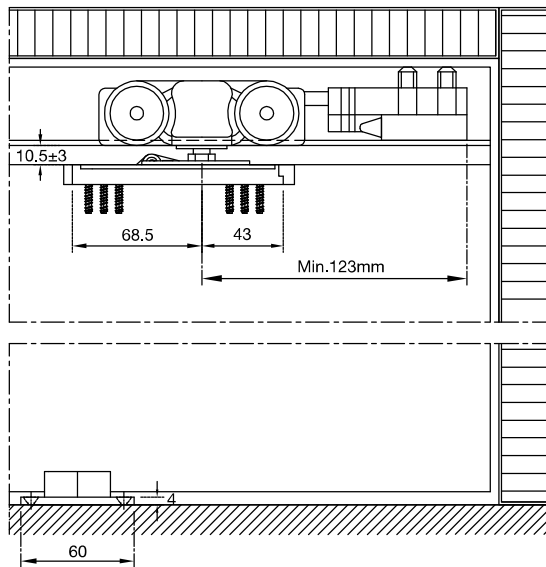
- > Ứng dụng: Cửa trượt gỗ 1 hoặc 2 cánh
- > Chiều cao cửa có thể điều chỉnh được
- > Lắp đặt: Bas treo dạng cài
- > Khối lượng cửa: ≤ 250 kg

TECHNICAL DRAWING

Hình ảnh và thông số kỹ thuật

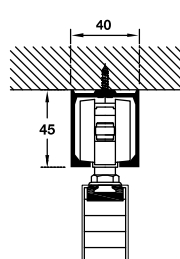
Selection guide and trolley hanger

Lựa chọn dẫn hướng và bánh xe trượt

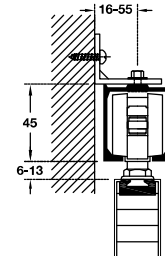


Ceiling installation and wall mounting

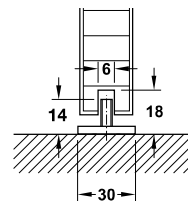
Gắn trần hoặc treo tường



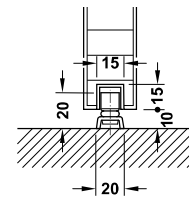
Ceiling installation with wooden panel
Gắn trần với nắp che



Wall installation with wooden panel
Treo tường với nắp che



Floor guide without guide track in door leaf
Dẫn hướng sàn không gồm thanh dẫn hướng gắn cửa



Floor guide with U-shaped guide track in door leaf
Dẫn hướng sàn kèm theo thanh dẫn hướng gắn cửa dạng chữ U và bánh xe

SLIDO CLASSIC 250-O

SET WITHOUT RUNNING TRACK FOR 1 DOOR / BỘ PHỤ KIỆN CHO 1 CỬA (KHÔNG BAO GỒM RAY TRƯỢT)

Version Phiên bản	Art.No. Mã số	Price (VND) Giá (Đ)
Without soft closing mechanism Không bao gồm giảm chấn	942.34.003	

SET COMPONENTS / PHỤ KIỆN THÀNH PHẦN

Version Phiên bản	Art.No. Mã số
Left running gear Bánh xe trượt trái	941.02.028
Right running gear Bánh xe trượt phải	941.02.029
Track buffer Chặn bánh xe	942.34.041
Floor guide Dẫn hướng sàn	940.42.034

RUNNING TRACKS AND ACCESSORIES (SUITABLE FOR 250-P, 250-K, 250-O) / RAY TRƯỢT VÀ PHỤ KIỆN (PHÙ HỢP VỚI 250-P, 250-K, 250-O)

Version Phiên bản	Material Vật liệu	Finish Hoàn thiện	Length (mm) Chiều dài (mm)	Art.No. Mã số
Single running track, 40 x 45 mm (W x H) Ray trượt đơn, 40 x 45 mm (R x C)	Aluminium Nhôm	Silver coloured anodized Mạ màu bạc	2000	942.34.920
			3000	942.34.930
			4000	942.34.940
			6000	942.34.960
Mounting bracket Bắt treo tường	Steel Thép	Galvanized Mạ kẽm	36	940.42.061
			44	940.62.061
			64	940.42.063
Floor guide roller Ø10 mm Dẫn hướng sàn có bánh xe Ø10 mm	Steel Thép	Galvanized Mạ kẽm	-	940.42.032
U shaped guide track 15 x 15 x 1.5 mm Ray dẫn hướng dạng chữ U 15 x 15 x 1.5 mm	Aluminium Nhôm	Silver coloured anodized Mạ màu bạc	2000	940.42.201
			3000	940.42.301
			4000	940.42.401
			6000	940.42.601